

DOI: 10.62829/VNHN.387.51.56

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT AN SINH XÃ HỘI TRONG BỐI CẢNH MỚI - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

✍️ ThS. Bùi Văn Công

● **TÓM TẮT:** An sinh xã hội là trụ cột cốt lõi của sự phát triển bền vững và công bằng xã hội. Bài viết phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật an sinh xã hội của Việt Nam trước bối cảnh mới (Cách mạng 4.0, già hóa dân số, đại dịch); nhấn mạnh việc mở rộng độ bao phủ, khắc phục lỗ hổng chính sách cho lao động phi chính thức và tăng cường tính liên kết. Các nhóm giải pháp trọng tâm bao gồm xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, hoàn thiện pháp luật bảo hiểm xã hội tự nguyện và nâng cao khả năng chống chịu của hệ thống.

● **Từ khóa:** An sinh xã hội, Pháp luật an sinh xã hội, Chính sách xã hội, Bối cảnh mới, Chuyển đổi số.

● **ABSTRACT:** Social security is a fundamental pillar of sustainable development and social equity. This article analyzes the current situation and proposes solutions to improve Vietnam's social security policies and legislation in the new context (Industry 4.0, population aging, and pandemics). It emphasizes expanding coverage, addressing policy gaps for informal workers, and strengthening system integration. Key solutions include developing a multi-tier social security system, promoting digital transformation in administration, improving voluntary social insurance legislation, and enhancing the resilience of the overall system.

● **Keywords:** Social security, Social security law, Social policy, New context, Digital transformation.

Ngày nhận bài: 06/7/2026 - Ngày bình duyệt: 28/7/2026 - Ngày duyệt đăng: 10/8/2026

Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người là chủ trương nhất quán của Đảng ta, được thể chế hóa trong Hiến pháp và pháp luật Việt Nam qua các thời kỳ; được cụ thể hóa trong các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã

hội phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Gần đây nhất có Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023, của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới”.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ AN SINH XÃ HỘI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Việc hoàn thiện chính sách, pháp luật về an sinh xã hội hiện nay không chỉ là vấn đề dân sinh mà còn là nhiệm vụ chiến lược để phát triển bền vững. Dưới đây là những tầm quan trọng cốt lõi:

1. Thích ứng với sự thay đổi của cơ cấu dân số và xã hội: Việt Nam đang bước vào giai đoạn già hóa dân số nhanh chóng. Việc hoàn thiện pháp luật giúp xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng, mở rộng diện bao phủ để đảm bảo người già, người yếu thế không bị bỏ lại phía sau, giảm áp lực lên ngân sách nhà nước trong tương lai.

2. Bảo vệ người lao động trước các cú sốc kinh tế: Dưới tác động của biến đổi khí hậu, dịch bệnh (như COVID-19) và sự thay đổi của mô hình kinh tế số, các rủi ro về việc làm trở nên khó lường hơn. Chính sách an sinh xã hội hoàn thiện sẽ tạo ra “lưới đỡ” vững chắc thông qua bảo hiểm thất nghiệp và hỗ trợ đào tạo lại kỹ năng, giúp người dân nhanh chóng ổn định cuộc sống.

3. Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng: Chính sách an sinh xã hội đóng vai trò điều tiết thu nhập và phân phối lại nguồn lực xã hội. Việc pháp lý hóa các tiêu chuẩn trợ giúp xã hội giúp đảm bảo mọi người dân đều được tiếp cận các dịch vụ cơ bản (y tế, giáo dục, nước sạch) một cách công bằng, từ đó củng cố khối đại đoàn kết và ổn định chính trị.

4. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững: An sinh xã hội không phải là “gánh nặng” chi phí mà là khoản đầu tư cho phát triển. Khi người dân cảm thấy an tâm về y tế và tuổi già, họ có xu hướng tiêu dùng mạnh dạn hơn, kích cầu kinh tế. Đồng thời, một lực lượng lao động khỏe mạnh, được bảo vệ tốt sẽ có năng suất cao hơn.

5. Thực hiện các cam kết quốc tế và hội nhập: Trong các hiệp định thương mại tự

do thế hệ mới (như CPTPP, EVFTA), tiêu chuẩn về lao động và an sinh là rất quan trọng. Hoàn thiện pháp luật an sinh xã hội giúp Việt Nam khẳng định uy tín trên trường quốc tế, đáp ứng các tiêu chuẩn về quyền con người và phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc.

Tóm lại, hoàn thiện chính sách an sinh xã hội là chuyển từ cách tiếp cận “nhân đạo, hỗ trợ” sang “quyền con người”, giúp người dân chủ động ứng phó với rủi ro và tạo nền tảng cho một xã hội thịnh vượng, công bằng.

Trong tiến trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hệ thống an sinh xã hội đóng vai trò là “lưới đỡ” giảm thiểu rủi ro cho người dân. Tuy nhiên, trước các thách thức như già hóa dân số, biến đổi khí hậu và sự thay đổi của thị trường lao động (kinh tế số, lao động phi chính thức), hệ thống pháp luật an sinh xã hội hiện hành đang bộc lộ những hạn chế cần được điều chỉnh kịp thời.

THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT AN SINH XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM

1. Những kết quả đạt được

Thực hiện chính sách an sinh xã hội là một trong những trụ cột quan trọng nhất để đảm bảo sự ổn định chính trị và công bằng xã hội. Trong những năm qua, Việt Nam đã chuyển dịch mạnh mẽ từ hệ thống an sinh xã hội dựa trên sự hỗ trợ của Nhà nước sang hệ thống dựa trên quyền và sự đóng góp, đạt được nhiều kết quả thực chất:

1.1. Giảm nghèo đa chiều bền vững: Đây là điểm sáng lớn nhất, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Về tỉ lệ hộ nghèo, Việt Nam đã chuyển từ phương pháp đo lường nghèo đơn biến (thu nhập) sang đa chiều (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch...). Tỉ lệ hộ nghèo đa chiều giảm nhanh, bình quân từ 1-1,5%/năm. Cùng với đó, các chương trình mục tiêu quốc gia đã tập trung nguồn lực vào vùng sâu, vùng xa, giúp hạ tầng nông

thôn thay đổi rõ rệt, thu hẹp dần khoảng cách giàu nghèo.

1.2. Mở rộng độ bao phủ của Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế (BHYT)

Hệ thống bảo hiểm là “lưới chắn” quan trọng nhất cho người lao động. Đến nay, tỉ lệ bao phủ BHYT đã đạt trên 93% dân số. Đây là con số ấn tượng, giúp người nghèo và các đối tượng chính sách tiếp cận dịch vụ y tế kỹ thuật cao mà không bị rơi vào bẫy nghèo đói do bệnh tật. Về BHXH tự nguyện: Có sự tăng trưởng vượt bậc nhờ các chính sách hỗ trợ đóng và phương thức linh hoạt. Người lao động tự do đã bắt đầu có ý thức tích lũy để có lương hưu khi về già, thay vì chỉ trông chờ vào trợ cấp.

1.3. Hệ thống trợ giúp xã hội ngày càng linh hoạt

- *Đối tượng bảo trợ*: Diện thụ hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng được mở rộng (người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt). Mức chuẩn trợ cấp thường xuyên được điều chỉnh tăng để phù hợp với giá cả thị trường.

- *Phản ứng nhanh với biến cố*: Trong các giai đoạn khó khăn như đại dịch COVID-19, Chính phủ đã triển khai các gói hỗ trợ trực tiếp (như Nghị quyết 68, 116) với quy mô chưa từng có, giúp hàng triệu người dân và doanh nghiệp vượt qua khủng hoảng.

1.4. Thị trường lao động và việc làm

ASXH không chỉ là cứu trợ mà là tạo ra cơ hội tự chủ. Về *Chính sách việc làm*: Nhà nước chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn và hỗ trợ vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội. Điều này giúp chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp năng suất thấp sang khu vực công nghiệp, dịch vụ. Về *Bảo hiểm thất nghiệp*: Đã thực hiện tốt vai trò “giá đỡ”, không chỉ chi trả trợ cấp mà còn hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm và đào tạo lại để người lao động sớm quay lại thị trường.

1.5. Cải thiện các dịch vụ xã hội cơ bản

- *Giáo dục*: Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục. Chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đã giúp trẻ em nghèo có cơ hội đến trường công bằng hơn.

- *Nhà ở*: Các chương trình nhà ở xã hội, nhà ở cho người có công và hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà đại đoàn kết được triển khai rộng khắp, giúp hàng trăm nghìn hộ gia đình “an cư lạc nghiệp”.

Hệ thống an sinh xã hội của Việt Nam đã chuyển từ “nhân đạo, từ thiện” sang “quyền an sinh” của công dân. Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, nhưng đã huy động được sự tham gia mạnh mẽ của các doanh nghiệp và tổ chức xã hội (xã hội hóa). Tuy nhiên, thách thức vẫn còn ở phía trước như: Già hóa dân số nhanh, biến đổi khí hậu gây tái nghèo và sự phân hóa giàu nghèo giữa các vùng miền.

Xét trên bình diện chung, Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong việc hoàn thiện hệ thống thể chế về an sinh xã hội trên các trụ cột quan trọng. Mỗi trụ cột đều từng bước được củng cố thông qua các văn bản pháp luật nhằm bảo đảm an sinh toàn diện cho người dân, theo đó:

- *Về bảo hiểm xã hội*: Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 là cột mốc quan trọng, mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc bao gồm cả người lao động có hợp đồng từ 1 tháng trở lên. Đồng thời, tăng cường chế tài xử lý đối với các trường hợp không đóng bảo hiểm xã hội và hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện nhằm khuyến khích lao động trong khu vực phi chính thức tham gia. Qua đó, không chỉ giúp mở rộng phạm vi bảo vệ mà còn bảo đảm quyền lợi cho người lao động, xây dựng hệ thống bảo hiểm linh hoạt và bao trùm.

- *Về bảo hiểm y tế*: Luật Bảo hiểm y tế năm 2013 đã đánh dấu sự chuyển đổi từ chính sách bảo hiểm y tế tự nguyện sang bắt buộc đối với toàn dân cư. Chính sách

này vừa giúp hoàn thiện chế độ đóng góp và hưởng quyền lợi bảo hiểm; đồng thời, mở rộng đối tượng được bảo hộ, đặc biệt là các nhóm yếu thế, như: người nghèo, người dân tộc thiểu số và người dân ở vùng sâu, vùng xa.

- *Về bảo hiểm thất nghiệp*: Luật Việc làm năm 2013 lần đầu tiên quy định bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động làm việc trong các doanh nghiệp có hợp đồng lao động từ 3 tháng trở lên. Chính sách này không chỉ giúp bảo vệ người lao động trước rủi ro thất nghiệp mà còn hỗ trợ họ quay trở lại thị trường lao động thông qua các chương trình đào tạo nghề và tư vấn việc làm.

- *Về trợ giúp xã hội*: Ngày 21/10/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 136/2013/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, trong đó quy định chi tiết về chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng; trợ giúp xã hội đột xuất; hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng và chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội và nhà xã hội. Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, trong đó quy định chi tiết về chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng; nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng; trợ giúp xã hội khẩn cấp và chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội. Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, tập trung hỗ trợ người nghèo, người dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa... Từ những chủ trương, chính sách đó các chương trình trợ giúp xã hội đã được triển khai đồng bộ mang tính toàn diện, nhằm bảo đảm mọi nhóm đối tượng có thể được bảo vệ trước các rủi ro xã hội.

- *Về chính sách ưu đãi xã hội*: Thực hiện *Pháp lệnh Ưu đãi người có công với*

cách mạng năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) là trách nhiệm và nghĩa vụ thiêng liêng của Đảng, Nhà nước và toàn thể nhân dân. Chính sách này không chỉ nhằm tri ân những người đã hy sinh, cống hiến cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do của dân tộc mà còn là sự thể hiện tình cảm, lòng biết ơn sâu sắc của toàn xã hội đối với những anh hùng, liệt sĩ, thương binh và bệnh binh...

2. Những tồn tại và hạn chế

Trong tiến trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hệ thống an sinh xã hội đóng vai trò là “lưới đỡ” giảm thiểu rủi ro cho người dân. Tuy nhiên, trước các thách thức như già hóa dân số, biến đổi khí hậu và sự thay đổi của thị trường lao động (kinh tế số, lao động phi chính thức), hệ thống pháp luật an sinh xã hội hiện hành đang bộc lộ những hạn chế cần được điều chỉnh kịp thời.

2.1. Diện bao phủ bảo hiểm xã hội còn thấp: Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội (đặc biệt là bảo hiểm xã hội tự nguyện) tăng chậm. Khu vực lao động phi chính thức - chiếm tỷ trọng lớn - vẫn nằm ngoài hệ thống bảo hộ.

2.2. Tính liên kết giữa các tầng an sinh xã hội còn rời rạc: Thiếu sự kết nối linh hoạt giữa bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và trợ giúp xã hội, dẫn đến tình trạng người dân “rơi” khỏi hệ thống khi gặp biến cố dài hạn.

2.3. Mức trợ cấp còn thấp: Các khoản trợ cấp xã hội chưa bắt kịp với đà tăng của giá cả sinh hoạt và mức sống trung bình, chỉ mới dừng lại ở mức hỗ trợ tối thiểu.

2.4. Tình trạng rút bảo hiểm xã hội một lần: Đây là vấn đề nhức nhối, gây nguy cơ mất an ninh an sinh khi người lao động về già.

Đi vào một số vấn đề cụ thể quan trọng để thấy hạn chế cần khắc phục:

Thứ nhất, về bảo hiểm xã hội. Một

trong những hạn chế lớn nhất của bảo hiểm xã hội là sự bao phủ chưa cao, đặc biệt là đối với lao động trong khu vực phi chính thức. *Luật Bảo hiểm xã hội* năm 2014 đã mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động có hợp đồng từ 1 tháng trở lên nhưng tính linh hoạt chưa đủ để thu hút lao động tự do tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Thứ hai, về bảo hiểm y tế. Mặc dù bảo hiểm y tế đã được mở rộng với chính sách bao phủ toàn dân, đặc biệt là từ khi *Luật Bảo hiểm y tế* sửa đổi năm 2013 chuyển sang bắt buộc đối với toàn dân nhưng vẫn có bất cập về chất lượng dịch vụ y tế. Chênh lệch lớn về chất lượng chăm sóc y tế giữa các khu vực nông thôn và thành thị là hạn chế đáng phải lưu ý. Việc thiếu sự đầu tư cơ sở vật chất tại các vùng sâu, vùng xa và thiếu nhân lực y tế chuyên môn cao khiến người dân ở khu vực này không được hưởng các dịch vụ y tế như các khu vực đô thị. Ngoài ra, chế độ chi trả bảo hiểm y tế đôi khi còn rườm rà, phức tạp gây khó khăn cho người dân khi sử dụng bảo hiểm.

Thứ ba, về bảo hiểm thất nghiệp. Luật Việc làm năm 2013 quy định việc mở rộng bảo hiểm thất nghiệp đối với lao động có hợp đồng từ 3 tháng trở lên nhưng việc thực thi chưa đồng đều và chưa đủ mạnh để bảo vệ người lao động khi mất việc. Nhiều doanh nghiệp vẫn chưa tuân thủ đầy đủ việc đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

Thứ tư, về trợ giúp xã hội. Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, tuy nhiên mức độ bao phủ và mức trợ cấp còn thấp.

Thứ năm, về chính sách ưu đãi xã hội. Chính sách này đã được cụ thể hóa thông qua Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) nhưng quá trình thực thi vẫn còn

hiều bất cập về việc xác nhận và thụ hưởng chính sách đôi khi còn chậm trễ do sự phân bổ nguồn lực chưa hiệu quả.

THÁCH THỨC ĐỐI VỚI HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI

1. *Già hóa dân số:* Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa nhanh nhất thế giới, gây áp lực khổng lồ lên quỹ hưu trí và hệ thống chăm sóc y tế.

2. *Lao động trên nền tảng số:* Sự bùng nổ của Gig Economy (Grab, thương mại điện tử...) khiến việc xác định quan hệ lao động để áp dụng các chính sách an sinh xã hội trở nên phức tạp.

3. *Biến đổi khí hậu:* Các cú sốc thiên tai đòi hỏi một hệ thống an sinh xã hội có khả năng phản ứng nhanh và linh hoạt hơn.

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT

1. *Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, linh hoạt*

- Tầng 1 (Trợ cấp hưu trí xã hội): Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho người cao tuổi không có lương hưu.

- Tầng 2 (bảo hiểm xã hội bắt buộc và tự nguyện): Sửa đổi Luật Bảo hiểm xã hội theo hướng giảm thời gian đóng tối thiểu (xuống 15 năm, tiến tới 10 năm) để nhiều người được hưởng lương hưu.

- Tầng 3 (Bảo hiểm hưu trí bổ sung): Khuyến khích doanh nghiệp và cá nhân tham gia các quỹ hưu trí tự nguyện dựa trên thị trường.

- Tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành và thúc đẩy truyền thông chính sách.

2. *Mở rộng đối tượng và loại hình bảo hiểm*

- Xây dựng cơ chế bắt buộc hoặc hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội đối với nhóm chủ hộ kinh doanh, người quản lý doanh nghiệp và lao động trong nền tảng số.

- Đa dạng hóa các gói bảo hiểm xã hội

tự nguyện ngắn hạn (ốm đau, thai sản) để thu hút lao động trẻ và lao động tự do.

- Mở rộng phạm vi bao phủ và cập nhật các chính sách trợ giúp xã hội: Điều này bao gồm việc mở rộng đối tượng thụ hưởng, không chỉ giới hạn ở những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà còn bao gồm cả những người lao động bị ảnh hưởng bởi biến động kinh tế, thiên tai, dịch bệnh. Do đó, cần xây dựng và điều chỉnh các chính sách cho phù hợp với thực tiễn bảo đảm tính công bằng và minh bạch trong việc thụ hưởng các dịch vụ và hỗ trợ xã hội. Ngoài ra, cần cải tiến các quy trình, thủ tục hành chính, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý và triển khai để nâng cao hiệu quả và giảm bớt gánh nặng cho người thụ hưởng.

3. Hoàn thiện pháp luật về trợ giúp xã hội

- Chuyển dịch từ hỗ trợ theo “nhóm đối tượng” sang hỗ trợ theo “mức độ thiếu hụt” các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Thiết lập mức chuẩn trợ cấp xã hội theo phương thức chỉ số hóa, tự động điều chỉnh theo mức sống tối thiểu.

Các bộ, ngành có liên quan cần tiếp tục rà soát các văn bản pháp luật hiện hành để tìm ra những mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, từ đó, xây dựng các quy định rõ ràng, thống nhất giữa các trụ cột của an sinh xã hội, từ bảo hiểm xã hội đến trợ giúp xã hội. Cơ quan nhà nước các cấp cũng cần hợp tác chặt chẽ với các cơ quan địa phương để bảo

đảm việc thực thi đúng và đủ; đồng thời, nâng cao công tác giám sát và kiểm tra việc áp dụng pháp luật tại các cấp.

4. Đẩy mạnh chuyển đổi số và quản trị hiện đại

- Số hóa hoàn toàn dữ liệu an sinh xã hội, kết nối liên thông giữa các bộ, ngành (Lao động, Công an, Y tế).

- Áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để dự báo rủi ro và cá nhân hóa các dịch vụ an sinh.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính và hiện đại hóa hệ thống quản lý.

5. Tăng cường giám sát và bổ sung quy định về chế tài xử lý đối với các vi phạm: Các cơ quan chức năng, cần đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ các doanh nghiệp để phát hiện sớm các hành vi vi phạm, đặc biệt là việc trốn đóng bảo hiểm xã hội. Việc này không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động mà còn bảo đảm sự minh bạch và công bằng trong môi trường kinh doanh. Đồng thời, cần có biện pháp xử lý nghiêm minh đối với các doanh nghiệp vi phạm để răn đe và ngăn chặn tình trạng trốn đóng bảo hiểm xã hội.

Hoàn thiện chính sách an sinh xã hội không chỉ là giải quyết các vấn đề kinh tế mà còn là củng cố niềm tin của nhân dân vào chế độ. Trong giai đoạn tới, Việt Nam cần ưu tiên sửa đổi Luật Bảo hiểm xã hội và Luật Việc làm, lấy người dân làm trung tâm để không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
2. Luật Bảo hiểm xã hội 2014 (và dự thảo sửa đổi 2024).

3. Các báo cáo thường niên của ILO và Ngân hàng Thế giới về an sinh xã hội tại Việt Nam.
4. Hoàng Kim Khuyên. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về an sinh xã hội. Tạp chí Quản lý nhà nước số 329, tháng 6/2023.
5. Hoàn thiện pháp luật về an sinh xã hội thích ứng cách mạng công nghiệp 4.0.